

Số: 95/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin
của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIX;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIX ngày 29/8/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 45 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. *TH*

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn
Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 95/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	3.80	4	80%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	3				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	3				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4							Tiêu chuẩn 9		
Tiêu chí 4.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 9.1	5	4.20	5	100%
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4	4.00	4	80%	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4.17	6	100%
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.4	5				
Tiêu chí 6.1	5	4.43	7	100%	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 6.5	5				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		45			90%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 95/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin (CTĐT) của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, cập nhật phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần phiên bản năm 2022 có đủ các thông tin cốt lõi về CTĐT, được rà soát, cập nhật; bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố công khai đến các bên liên quan. Chương trình dạy học được thiết kế tiếp cận theo chuẩn đầu ra; các học phần trong chương trình dạy học, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá thể hiện sự liên kết với chuẩn đầu ra của CTĐT. Triết lý giáo dục của Trường bước đầu được chuyển tải vào chương trình đào tạo, được phổ biến đến các bên liên quan. Phương pháp dạy-học khá đa dạng thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Quy định về kiểm tra đánh giá được xác định rõ ràng, được công khai và phổ biến; người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả. Người học được tạo điều kiện tham gia ngoại khóa, thực hành, thực tập tại cơ sở ngoài trường để rèn luyện kỹ năng. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ giảng viên, nhân viên được chú trọng thực hiện và đạt kết quả cao; đánh giá kết quả thực hiện công việc được quan tâm cải tiến. Năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng; môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành được quan tâm đầu tư đáp ứng tốt yêu cầu CTĐT; hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp đáp ứng yêu cầu của các hoạt động quản trị, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập; thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Hoạt động nghiên cứu khoa học người học được chú trọng, nhiều kết quả nghiên cứu khoa học được áp dụng. Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát. Nhà sử dụng lao động khá hài lòng đối với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT; phân tích dữ liệu sau đối sánh và sử dụng kết quả đối sánh vào cải thiện, cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. Mở rộng đối tượng

lấy ý kiến để rà soát, chỉnh sửa CTĐT; rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với Khung trình độ quốc gia bậc 7.

2. Rà soát để bổ sung đầy đủ thông tin trong đề cương học phần theo quy định đồng thời thể hiện gắn kết với chuẩn đầu ra của CTĐT. Đa dạng hóa hơn nữa hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để đảm bảo các bên liên quan dễ dàng tiếp, tìm hiểu về CTĐT.

3. Rà soát mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để hoàn thiện chương trình dạy học đảm bảo tính logic và cập nhật nội dung của các học phần; phân tích, đánh giá ý kiến của các bên liên quan và thông tin đối sánh để rà soát, cập nhật phương pháp dạy-học và hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, đảm bảo đóng góp hiệu quả vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

4. Có hướng dẫn và kế hoạch hành động chuyển hóa cụ thể triết lý giáo dục vào CTĐT; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và khai thác hệ thống LMS để đa dạng hóa hoạt động dạy và học hướng đến đạt chuẩn đầu ra; đánh giá hiệu quả đổi mới phương pháp dạy - học một cách bài bản hơn để có căn cứ cải tiến; tăng cường học tập trải nghiệm; có hướng dẫn cụ thể hoạt động tự học và khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Đa dạng hóa các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học và nâng cao hiệu quả việc đánh giá kết thúc học phần sử dụng hình thức đồ án môn học, tiểu luận môn học, đề án tốt nghiệp; rà soát quy định, hướng dẫn và xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đủ lớn bao phủ nội dung các học phần; phân tích kết quả thi, đề thi để có căn cứ điều chỉnh hoạt động đánh giá cho phù hợp đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, của CTĐT; tăng cường giám sát đảm bảo tuân thủ các quy định trong chấm thi, đề thi, đáp án, thang điểm và lấy ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá để đảm bảo được độ tin cậy của đề thi và làm cơ sở cải tiến; hoàn thiện phương thức và triển khai đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra; đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định.

6. Sớm ban hành chính sách, cơ chế đặc thù để giữ chân và phát triển giảng viên đầu ngành từ nguồn tại chỗ cho CTĐT; đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực: cụ thể hóa yêu cầu và mức năng lực theo từng vị trí để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; thiết lập hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ giảng viên trong hoạt động phục vụ cộng đồng. Hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs đánh giá, ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện, đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá để xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; khuyến khích thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp và nghiên cứu liên ngành để ứng dụng, chuyển giao trong thực tiễn.

7. Bổ sung chỉ tiêu chính về phát triển đội ngũ nhân viên theo lĩnh vực hoạt động để phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khảo sát, phân tích nhu cầu để quy hoạch đội ngũ nhân viên bài bản hơn; xác định nhu cầu phát triển năng lực đội ngũ theo yêu cầu vị trí việc làm để đào tạo. Hoàn thiện hoạt động đánh giá kết quả thực hiện công việc và có chính sách đãi ngộ theo công hiến để tạo động lực, giữ chân nhân viên có kinh nghiệm và hiệu quả làm việc cao.

8. Khảo sát người học, cựu người học, nhà tuyển dụng lao động và cán bộ giảng viên về sự rõ ràng, phù hợp của chính sách tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh. Có các

chính sách để thu hút người học từ các chương trình cử nhân ngành đúng và ngành phù hợp; có chính sách hỗ trợ người học và tăng cường hỗ trợ kinh phí cho người học tham gia nghiên cứu khoa học. Thành lập đơn vị chuyên trách làm công tác tư vấn tâm lý và các vấn đề sức khỏe tâm thần; thu thập dữ liệu đánh giá các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học toàn diện để có biện pháp cải tiến. Hình thành hệ thống một cửa trong xử lý các yêu cầu của người học một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

9. Tăng cường công tác chuyển đổi số; đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh và phục vụ tra cứu trực tuyến; đầu tư và khai thác những ưu thế của thư viện điện tử; mở rộng nguồn học liệu và bản quyền truy cập, nhất là các tạp chí chuyên ngành quốc tế; thường xuyên bổ sung, cập nhật nguồn học liệu cho thư viện; đầu tư nâng cấp hệ thống máy chủ đáp ứng hệ thống phần mềm tích hợp theo mô hình đại học điện tử và quản trị đại học tiên tiến.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra. Thu thập đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan, tham khảo các CTĐT tiên tiến, tham chiếu các căn cứ pháp lý và các định hướng kỹ năng cần thiết đối với yêu cầu vị trí việc làm để tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT. Cải tiến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích; chuẩn hoá các công cụ khảo sát các bên liên quan đồng thời xây dựng công cụ và triển khai đánh giá tác động, ảnh hưởng của CTĐT để cải tiến chất lượng.

11. Tăng cường thời lượng thực tập thực tế cho người học; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng mềm, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp cho người học đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Đối sánh kết quả đầu ra của CTĐT đối với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước để cải tiến chất lượng CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. 
